TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày 02/6/2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan.

2. Ông Nguyễn Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2020/TLST-DS ngày 22/12/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-DS ngày 05/4/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-DS ngày 20/4/2021; thông báo về việc hoãn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 28/TB-TA ngày 07/5/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 38/TB-TA ngày 27/5/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 03 hẻm X, Hòn N, tổ Y, thôn Đ, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 17/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ông Nguyễn Phi H (sau đây viết tắt là ông H) trình bày:*

Ngày 31/3/2020, giữa ông và ông Nguyễn Đức T (sau đây viết tắt là ông T) đã giao kết hợp đồng mua bán tài sản với nhau, cụ thể là ông bán cho ông T cá giống loại cá chim vây vàng, số lượng là 28.200 con, đơn giá mỗi con là 3.200 đồng, tổng giá trị mua bán cá giống là 99.200.000 đồng (chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Ông đã giao đủ số lượng cá giống nêu trên cho ông T nhưng ông T chưa thanh toán tiền cho ông.

Ngày 21/4/2020, ông T chuyển khoản trả cho ông số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Trong các ngày 25/4/2020 và 07/6/2020, do chưa có tiền trả nên ông T viết xác nhận số tiền nợ mua bán cá giống nêu trên là 83.200.000 đồng (tám mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), đồng thời cam kết sẽ thanh toán nợ cho ông chậm nhất là 09/6/2020. Tuy nhiên, ông T vẫn không thực hiện đúng cam kết, không trả nợ cho ông mặc dù đã nhiều lần ông yêu cầu ông T trả nợ.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ mua bán tài sản là 83.200.000 đồng (tám mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

** Tại biên bản làm việc ngày 28/01/2021, bị đơn là Ông Nguyễn Đức T trình bày:*

Tháng 3/2020, ông có mua cá giống (loại cá chim) của ông H tổng cộng 28.200 con, đơn giá mỗi con là 3.200 đồng, tổng giá trị mua bán là 99.200.000 đồng (chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Ông đã nhận đủ số cá giống do ông H giao nhưng do dịch Covid-19 nên ông không thể xuất bán số cá giống nêu trên đến địa bàn huyện Lý Sơn, sau đó cá bị chết dẫn đến ông bị lỗ vốn, không có tiền trả cho ông H.

Khi nhận số cá giống thì ông đã trả cho ông H số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng), còn lại số tiền 83.200.000 đồng (tám mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) thì ông có chưa có điều kiện trả cho ông H.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền nợ nêu trên thì nguyện vọng của ông là mong muốn ông H tạo điều kiện cho ông thời gian sau tết âm lịch (khoảng tháng 3/2021 trở đi) để trả dần khoản nợ.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 83.200.000 đồng (tám mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng); ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là ông H vắng mặt tại phiên tòa, có đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông H và ông T đều thừa nhận ông H có bán cá giống (loại cá chim) cho ông T với số lượng 28.200 con, tổng giá trị mua bán là 99.200.000 đồng (chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng), ông T đã nhận đủ số cá giống nêu trên, sau khi mua bán thì ông T đã trả được số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) và hiện còn nợ ông H số tiền 83.200.000 đồng (tám mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ như bảng công nợ, giấy cam kết do ông H cung cấp cho Tòa án thể hiện ông T xác nhận ông T còn nợ ông H số tiền 83.200.000 đồng (tám mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) và cam kết sẽ trả số tiền nợ nêu trên cho ông H chậm nhất đến tháng 8/2020.

[2.3] Đến hết thời hạn cam kết (tháng 8/2020) nhưng ông T không thực việc trả nợ. Và sau khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm thì ông

T vẫn chưa trả nợ cho ông H, không đến Tòa án làm việc, hòa giải; điều này đã thể hiện ông T (là bên mua tài sản) vi phạm nghĩa vụ trả tiền và không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình trong hợp đồng mua bán tài sản.

[2.4] Từ những vấn đề đã nêu trên, việc ông H khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 83.200.000 đồng (tám mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.5] Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.160.000 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả tạm ứng án phí cho ông H.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 144, 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Phi H số tiền 83.200.000 đồng (tám mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Buộc ông Nguyễn Đức T phải chịu 4.160.000 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Hoàn trả cho ông Nguyễn Phi H số tiền tạm ứng án phí là 2.080.000 đồng (hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số

AA/2018/0003524 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Đô